|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  20/04/2024 | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Lớp | Tiết |
| 26/04/2024 | 7A | 5 |  |  |
| 15/05/2024 | 7D | 1 | 7C | 4 |
| 16/05/2024 | 7E | 2 |  |  |
| 18/05/2024 | 7B | 2 |  |  |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 2: CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN**

Môn học: CÔNG NGHỆ - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết (34)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

Nhận thức công nghệ: Tóm tắt, hệ thống hóa được các kiến thức của chủ đề chăn nuôi và thủy sản

Sử dụng công nghệ: Vận dụng được các kiến thức về chăn nuôi và thủy sản vào cuộc sống

Năng lực thiết kế: Lập được kế hoạch, tính toán chi phí cho hoạt động chăn nuôi.

**2. Về phẩm chất:**

Trách nhiệm:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

Có ý thức bảo vệ môi trường thủy sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

a) Giáo viên:

Phiếu học tập (sơ đồ trang 75, 76 trong SGK Công nghệ 7).

Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.

b) Học sinh:

Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài và hoàn thành yêu cầu của giáo viên trước khi đến lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên.

c, Ứng dụng: powerpoint

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **Thứ tự tiết học của chủ đề** | **Nội dung** | **Ghi chú**  *(PPDH, KTDH)* |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Hoạt động 1:** **Mở đầu** (5ph) | PPDH : Nêu vấn đề  KTDH: Đặt câu hỏi |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| Hoạt động 2.1: Hệ thống hóa kiến thức (10ph) | PPDH : Thảo luận nhóm  KTDH: Chia nhóm, giao nhiệm vụ |
| Hoạt động 2.2: Luyện tập câu hỏi, bài tập (24ph) | PPDH :Thảo luận nhóm  KTDH: Nhóm cặp đôi, mảnh ghép |
| **Hoạt động 3: Vận dụng (6ph)** | PPDH :  KTDH: |
|  |

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a, Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b, Nội dung: GV nêu vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

-Gv nêu câu hỏi: Gia đình em nuôi những vật nuôi nào? Chúng mang lại lợi ích gì?

-HS tiếp nhận câu hỏi, liên hệ thực tế và tìm ra câu trả lời: Gia đình em nuôi gà, cá..*.*Gà cung cấp thịt, trứng; cá cung cấp thịt. Gà và cá có thể bán để tăng thu nhập…

-GV đặt vẩn đề: Câu trả lời của các em chính là một số vai trò của chăn nuôi và thủy sản. Để củng cố các kiến thức về chăn nuôi và thủy sản chúng ta cùng đến với chủ đề 2: Ôn tập chủ đề 2: Chăn nuôi và thủy sản

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Hoàn thiện sơ đồ hệ thống hóa kiến thức**

a) Mục tiêu: Củng cố, khái quát hoá kiến thức của chủ đề.

b) Nội dung: Yêu cầu trang 75 SGK.

c) Sản phẩm: Sơ đồ hoàn thiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công vị trí làm việc cho các nhóm và phát phiếu hoàn thành sơ đồ cho mỗi nhóm  Gv quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Học sinh thảo luận, ghi chép kết quả và phân công đại diện trình bày trước lớp  Gv quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày kết quả.Các nhóm khác nghe và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét và tổng kết. | **1.Hệ thống hóa kiến thức**  **\*Chăn nuôi**   |  |  | | --- | --- | | **Giới thiệu chung về chăn nuôi** | | | **Một số giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam**  Vật nuôi bản địa  Vật nuôi ngoại nhập | **Vai trò của chăn nuôi:**  Cung cấp thực phẩm  Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến  Cung cấp sức kéo  Cung cấp phân bón  Cung cấp nguyên liệu phục vụ đời sống và sản xuất  Tạo việc làm | | **Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam**  Nuôi chăn thả tự do  Nuôi công nghiệp  Nuôi bán công nghiệp | **Triển vọng của chăn nuôi** | |  | **Một số ngành nghề trong chăn nuôi**  Chăn nuôi  Thú y  Nghề chọn tạo giống vật nuôi |   **Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi**   |  |  | | --- | --- | | **Vật nuôi đực giống** | **Vai trò của chăm sóc và nuôi dưỡng** | | **Vật nuôi cái sinh sản**  Giai đoạn hậu bị  Giai đoạn mang thai  Giai đoạn nuôi con ở gia súc và giai đoạn đẻ trứng ở gia cầm | **Lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt thả vườn** | | **Vật nuôi non** |  |   **Phòng, trị bệnh cho vật nuôi**   |  |  | | --- | --- | | **Phòng, trị bệnh** | **Khái niệm bệnh** | | **Vệ sinh trong chăn nuôi** | **Nguyên nhân gây bệnh**  Tác nhân gây bệnh  Sức đề kháng thấp  Môi trường |   **\*Thủy sản**   |  |  | | --- | --- | | **Một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao**  Cá tra  Cá rô phi  Nghêu  Tôm thẻ chân trắng  Cá chẽm (vược)  Tôm sú  Cá chép | **Vai trò**  Thực phẩm  Nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu  Thức ăn chăn nuôi  Nguyên liệu cho ngành dược mĩ phẩm  Tạo việc làm và thu nhập cho người dân. | | **Lập kế hoạch tính toán chi phí nuôi và chăm sóc cá rô phi trong ao** | **Quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao:**  Chuẩn bị ao nuôi  Thả giống  Chăm sóc, quản lí cá sau khi thả  Thu hoạch | | **Bảo vệ môi trường nuôi và nguồn lợi thủy sản**  Các nguồn gây ô nhiễm  Xử lí các nguồn nước thải  Kiểm soát môi trường nuôi thủy sản  Các khu vực cần được bảo vệ  Biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản. | **Quản lí môi trường và phòng trị bệnh:**  Quản lí môi trường ao nuôi  Đo nhiệt độ  Biện pháp quản lí  Dấu hiệu bệnh  Phòng, trị bệnh | |

**Hoạt động 2.2: Luyện tập câu hỏi, bài tập**

a, Mục tiêu:Củng cố kiến thức về chăn nuôi và thủy sản

b, Nội dung:Câu 1 trang 76 SGK; Câu 1,2,4,5,6,7,8 trang77 SGK

c, Sản phẩm học tập: Kết quả câu trả lời của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV yêu cầu HS hoạt động nhóm cặp đôi (cùng bàn) thực hiện trả lời câu hỏi: Câu1/76; vào phiếu học tập số 3 trong vòng 3 phút   -Học sinh hoạt động nhóm mảnh ghép:  +Nhóm chuyên gia thảo luận nhóm trong 8 phút  Nhóm chuyên gia 1,3 hoàn thành câu trả lời các câu 1,2,5 trang 77  Nhóm chuyên gia 2,4 hoàn thành câu trả lời 4,6,7,8 trang 77  +Nhóm mảnh ghép hoàn thành các câu trả lời trong vòng 8 phút  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi   **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Nhóm cặp đôi báo cáo kết quả các câu 1 trang 76  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả các câu 1,2,4,5,6,7,8 trang 77  Các nhóm nghe và nhận xét bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức  Gv nhận xét xếp loại cho hoạt động của nhóm. | **2.Luyện tập và vận dụng**  **2.1. Chăn nuôi**  **Câu 1/76**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại vật nuôi | Thực phẩm | | | Nguyên liệu cho công nghiệp | Sức kéo | Phân hữu cơ | | Thịt | Trứng | Sữa | | 1 | Bò | x |  | x | x | x | x | | 2 | Trâu | x |  |  | x | x | x | | 3 | Ngựa | x |  |  | x | x | x | | 4 | Lợn | x |  |  | x |  | x | | 5 | Gà | x | x |  | x |  | x | | 6 | Vịt | x | x |  |  |  | x | | 7 | Dê | x |  | x | x |  | x | | 8 | Cừu | x |  | x | x |  | x |   **2.2.Thủy sản**  **Câu 1/77:**  Các bước của quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao:  Bước 1: Làm cạn nước trong ao  Bước 2 : Làm vệ sinh xung quanh ao , lấp các hang, hốc tu sửa cống, lưới chắn.  Bước 3: Vét bớt bùn đáy, san phẳng đáy ao .  Bước 4: Bón vôi để cải tạo đáy ao và diệt mầm bệnh  Bước 5: Phơi đáy ao khoảng 2 đến 3 ngày.  Bước 6: Lấy nước qua túi lọc vào ao khoảng 30 đến 50 cm . Lấy đủ nước vào ao trước khi thả cá giống.  **Câu 2/77:**  Nguyên tắc nuôi ghép các loài cá:  Tập tính ăn khác nhau  Sống ở các tầng nước khác nhau  Không cạnh tranh thức ăn  Tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có  Chống chịu tốt với điều kiện môi trường  **Câu 4/77.**Ba yếu tố dẫn đến phát sinh bệnh trên động vật thủy sản là:  b. Vật chủ yếu, xuất hiện mẩm bệnh trong môi trường, điều kiện môi trường bất lợi.  **Câu 5/77:** Biện pháp phòng trị bệnh tổng hợp gồm những nội dung: nâng cao sức đề kháng của động vật thủy sản; ngăn chặn sự xâm nhập của mầm bệnh; quản lí môi trường nuôi, trị bệnh.  **Câu 6/77:** Các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản: xử lí các nguồn nước thải; kiểm soát môi trường thủy sản.  **Câu 7/77:** Khu vực nguồn lợi thuỷ sản nào cần được bảo vệ là:a. Nơi tập trung các loài thuỷ sản và môi trường sống của chúng, khu vực tập trung sinh sản (bãi đẻ), khu vực tập trung con non sinh sống (bãi ương giống), đường di cư của các loài thuỷ sản.  **Câu 8/77:** Một số biện pháp bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản:  Khai thác thuỷ sản hợp lí.  Tái tạo nguồn lợi thuỷ sản thả tôm, cá giống vào môi trường tự nhiên, trồng san hô.  Bảo vệ đường di cư của các loài thuỷ sản không dùng đăng chắn khai thác cá trên sông, xây dựng đường dẫn đề cá vượt đập thuỷ điện.  Bảo vệ môi trường sống của các loài thuỷ sản: không xả thải chất độc hại vào môi trường tự nhiên  Bảo vệ rừng ngập mặn, phát triển các khu bảo tồn nội địa. |

**3.Hoạt động 3: Vận dụng**

Mục tiêu:Vận dụng các kiến thức về chăn nuôi và thủy sản vào cuộc sống

1. Nội dung:Câu 2/77 phần 2.1; câu 3 trang 77 phần 2.2 SGK
2. Sản phẩm học tập:Câu trả lời của HS
3. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS trả lời tại lớp câu 3/77:
* GV yêu cầu HS về nhà:

**Câu 2/77.** Ở gia đình, địa phương em đã và đang nuôi những vật nuôi nào? Với mỗi loại vật nuôi, em hãy trả lời những nội dung sau:

a. Mô tả một số đặc điểm đặc trưng của vật nuôi.

b. Vật nuôi đó được chăn nuôi bằng phương thức nào?

c. Liệt kê những công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

d. Nêu các hoạt động phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

e. Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho hoạt động chăn nuôi

g. Sản phẩm thu được là gì?

h. Ghi lại ý kiến nhận xét và đề xuất của em

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau

GV hướng dẫn câu 2/77

**Câu 2/77.** Ở gia đình, địa phương em nuôi : chó, mèo, gà, vịt, ngan, trâu, bò, lợn...

(HS tự chọn 1 vật nuôi và miêu tả theo các nội dung như trong SGK)

Hoàn thiện theo phiếu học tập số 4

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Hs báo cáo kết quả trả lời câu hỏi

Câu 3/77:Khi ao nuôi có hiện tượng thiếu oxygen, em sẽ tìm nguyên nhân và thực hiện giải pháp phù hợp

Tùy theo mật độ thả nuôi, thời gian nuôi, em sẽ bố trí và vận hành các loại máy sục khí, quạt nước cho phù hợp, bảo đảm cung cấp đầy đủ oxy trong ao. Sử dụng máy đo hoặc test để kiểm tra oxy. Định kỳ đo oxy 2 lần/ ngày vào lúc 5 – 6 giờ sáng và 14 – 15 giờ chiều để theo dõi sự biến động của oxy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

**Bước 4: Nhận xét:**

Gv nhận xét, kết luận câu 3/77

Nhận xét tiết học

**IV. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**V. PHỤ LỤC**

Phiếu học tập 1

Nhóm………………Lớp………..

Một số giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam

Cung cấp thực phẩm

Vật nuôi bản địa

CHĂN NUÔI

Vai trò của chăn nuôi

Cung cấp sức kéo

Nuôi chăn thả tự do

Triển vọng của chăn nuôi

Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam

Một số ngành nghề trong chăn nuôi

Chăn nuôi

Vật nuôi đực giống

Giai đoạn hậu bị

Vai trò của chăm sóc và nuôi dưỡng

Vật nuôi cái sinh sản

Lập kế hoạch,tính toán chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt thả vườn

Vật nuôi non

Tác nhân gây bệnh

Khái niệm bệnh

Phòng, trị bệnh

Nguyên nhân gây bệnh

Vệ sinh trong chăn nuôi

Phiếu học tập 2

Nhóm………………Lớp………..

Thực phẩm

THỦY SẢN

Cá tra

Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế

Vai trò

Thức ăn chăn nuôi

Tôm chân trắng

Lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi và chăm sóc cá rô phi trong ao

Quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao

Thả giống

Các nguồn gây ô nhiễm

Quản lí môi trường ao nuôi

Đo nhiệt độ

Bảo vệ môi trường nuôi và nguồn lợi thủy sản

Quản lí môi trường và phòng trị bệnh

Dấu hiệu bệnh

Biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản

**Phiếu học tập 3**

**Câu hỏi 1.** Em hãy đánh dấu x vào ô tên sản phẩm thích hợp mà mỗi loại vật nuôi có thể đem lại theo mẫu Bảng 1 dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Loại vật nuôi | Thực phẩm | | | Nguyên liệu cho công nghiệp | Sức kéo | Phân hữu cơ |
| Thịt | Trứng | Sữa |
| 1 | Bò |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trâu |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Ngựa |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lợn (heo) |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Gà |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Vịt |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Dê |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Cừu |  |  |  |  |  |  |

**Phiếu học tập 4**

**Câu 2/77.** Ở gia đình, địa phương em đã và đang nuôi những vật nuôi nào? Với mỗi loại vật nuôi, em hãy trả lời những nội dung sau:

a. Mô tả một số đặc điểm đặc trưng của vật nuôi.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

b. Vật nuôi đó được chăn nuôi bằng phương thức nào?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

c. Liệt kê những công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

d. Nêu các hoạt động phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

e. Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho hoạt động chăn nuôi

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

g. Sản phẩm thu được là gì?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

h. Ghi lại ý kiến nhận xét và đề xuất của em.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....